TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 23/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Trần Văn Thiện.

Thư ký phiên toà: Bà Đồng Khánh Ly – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 03 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức V, sinh năm 1996; Tên gọi khác: Không có;

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không có; Chức vụ: Không có; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Nguyễn Duy T; Con bà: Nguyễn Thị T1; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất.

-Tiền án: Nhân thân: Chưa có

-Tiền sự: Ngày 22/12/2023, bị Chủ tịch UBND xã Q, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt tại phiên tòa).

2 - Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không có;

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Không có; Chức vụ: Không có; Trình độ học vấn: 6/12;

- Con ông: Nguyễn Trọng T2 (đã chết);Con bà: Lê Thị L1,sinh năm 1943; vợ: Giáp Thị H, sinh năm 1977; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không có.

- Bị cáo tại ngoại bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

+ Bị hại: anh Lê Văn H1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Khoảng 09 giờ ngày 03/01/2024, Nguyễn Văn L, ở thôn B, xã Q, huyện T đi bộ sang nhà Nguyễn Đức V, cùng thôn chơi. Ngồi chơi một lúc, V rủ L đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, V bàn với L nếu phát hiện tài sản thì L đứng bên ngoài cảnh giới, còn V sẽ lấy tài sản mang đi bán rồi chia tiền cho L, L đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, L lấy một chiếc bao tải dứa ở nhà V sau đó V và L đi bộ quanh xã Q xem gia đình nào có tài sản để sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, V và L đi đến thôn B, xã Q, huyện T, V nhìn thấy trước cửa gia đình anh Lê Văn H1, thôn B, xã Q, huyện T có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen ở sân, chìa khóa cắm ở ổ khóa, quan sát không thấy ai ở nhà, V bảo L đứng ngoài đường cảnh giới để V vào lấy trộm xe, L đồng ý. V đi vào cửa nhà anh H1 quan sát trong nhà không có ai, V dắt xe mô tô ra đường, sau đó ngồi lên xe dùng hai chân đẩy xe mô tô đi được khoảng 10m, L ngồi lên yên phía sau V, V định mở khóa điện đề nổ máy đi thì bị anh Lê Văn H1 phát hiện chạy ra bắt giữ lại. Ngay lúc đó L xuống xe đi bộ về nhà, lúc này chị Nguyễn Thị T3; anh Nguyễn Thanh T4, anh Nguyễn Văn T5, là người cùng thôn B, ở gần đó nghe thấy ồn ào đã đi ra cùng anh H1 bắt giữ V cùng vật chứng, đồng thời trình báo Công an xã Q đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đức V và thu giữ thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: đỏ; biển kiểm soát 98N4-5957. Quá trình làm việc với V, V khai có Nguyễn Văn L ở cùng thôn là người tham gia trộm cắp cùng V.

Cùng ngày, Công an xã Q, huyện T đã triệu tập Nguyễn Văn L đến làm việc. Tại trụ sở Công an xã Q, L đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp cùng với V như đã nêu trên.

Xác định vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, cùng ngày 03/01/2024, Công an xã Q đã bàn giao đối tượng và chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra Công an huyện T

để giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức V, kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Cơ quan điều tra tiến hành test nhanh ma túy trong mẫu nước tiểu của V và L, kết quả V dương tính với ma túy tổng hợp. Quá trình điều tra V khai nhận khoảng 20 giờ ngày 31/12/2023, V đi bộ từ nhà ra khu vực cầu treo Điếm Tổng đoạn tiếp giáp giữa xã Q, huyện T và xã N, huyện V mục đích để mua ma túy về sử dụng. Tại đây V gặp một nam thanh niên khoảng hơn 30 tuổi, mặc quần áo tối màu, cao khoảng lm65, đeo khẩu trang (V không biết tên, tuổi, địa chỉ của người thanh niên này), qua nói chuyện V biết người thanh niên này có ma túy bán nên V hỏi mua 100.000 đồng ma túy đá thì được người thanh niên đó bán cho V một gói ma túy, V mang gói ma túy về nhà và đã sử dụng hết.

Ngày 04/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T định giá chiếc xe mô tô mà V và L trộm cắp của gia đình anh H1.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 08/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: Đỏ - đen -bạc, biển kiểm soát 98N4- 5957, đăng ký năm 2007 (xe cũ đã qua sử dụng) có giá: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Quá trình điều tra chị Giáp Thị H, sinh năm 1977, trú tại thôn B, xã Q, huyện T là vợ bị cáo L đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 giấy chứng nhận khuyết tật về tâm thần do UBND xã Q cấp.

Ngày 15/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 106/QĐ-ĐTTH trưng cầu Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định Pháp y tâm thần đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 13/KLGĐ ngày 05/02/2024 của Trung tâm P tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận: Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; trú tại thôn B, xã. Quế Nham, huyện T, tỉnh Bắc Giang không bị bệnh Tâm thần.

Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 03/01/2024, Nguyễn Văn L không bị bệnh tâm thần. Nguyễn Văn L đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Nguyễn Văn L không bị bệnh Tâm thần. Nguyễn Văn L đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 24/CT-VKS, ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên thực hành quyền công tố đã luận tội đối với các bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng khoản 1, điều 173; điểm i, s, khoản 1, khoản điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V từ 08 đến 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 03/01/2024.

Áp dụng khoản 1, điều 173; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 đến 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự: Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 98N4 – 5957 xác định của anh Lê Văn H1, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh H1.

Về chiếc bao tải dứa màu trắng, lộc lấy ở nhà V mang theo khi đi trộm cắp. Trên đường bỏ về L đã vứt ở rìa đường nhưng không nhớ đoạn nào cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về tiền án phí : Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a, khoản 1, Điều 23 nghị quyết số 236/2016, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Trần Thu T6

Về tội danh. Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo L về tội "trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội.

Về xác định vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị đối với cáo L là hoàn toàn chính xác, đúng quy định.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điều 173; điểm i, điểm p, điểm s, khoản 1, khoản 2, điều 51, điều 65 nghị quyết số 01/2018 /NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuyên bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản với mức hình phạt từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng. Miễn hình phạt bổ xung cho bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi "trộm cắp tài sản" như bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo V không tranh luận gì mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo L nhất trí với bản luận tội của Viện Kiểm sát, đối với ý kiến của người bảo chữa cho bị cáo đề nghị mức hình phạt như vậy là cao, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo như bản luận tội viện kiểm sát đã đề nghị .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.] Về Tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Nên hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điều 292; Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người trên.

[2.]Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo V, L đều thừa nhận Khoảng 09 giờ ngày 03/01/2024 L có sang nhà V chơi thì V có rủ L đi trộm cắp tài sản về bán lấy tiền chi tiêu, L đồng ý, khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày L, và V đi đến nhà anh Lê Văn H1 ở thôn B xã Q phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: Đỏ - đen -bạc, biển kiểm soát 98N4-5957 để ở sân chìa khóa cắm ở ổ khóa quan sát thấy không có ai trông coi V đã vào lấy trộm xe dắt ra ngoài được khoảng 10m thì bị anh H1 phát hiện hô hoán cùng mọi người bắt giữ V cùng

với vật chứng. Ngay lúc đó L xuống xe đi bộ về nhà. Cùng ngày Công an xã Q đã triệu tập L đến làm việc, L đã khai nhận cùng V tham gia trộm cắp xe của anh H1.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: Đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 98N4-5957 mà V, L trộm cắp được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá chiếc xe có giá 3.500.000đồng.

Quá trình điều tra chị H là vợ bị cáo L cung cấp cho cơ quan Công an một giấy chứng nhận khuyết tật tâm thần do UBND xã Q cấp.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần ngày 05/2/2024 của trung tâm P tâm thần khu vực miền núi phía bắc kết luận Nguyễn Văn L không bị bệnh tâm thần.

Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Nguyễn Văn L không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu hồi được, phù hợp với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Điều đó có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi một cách liều lĩnh táo bạo giữa ban ngày gây bức xúc, bất bình cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần phải có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Xét về vai trò các bị cáo trong vụ án này thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có yếu tố tổ chức; Bị cáo V là người khởi xướng, rủ rê nên có vai trò thứ nhất. Bị cáo L khi được rủ hưởng ứng tích cực cùng V đi trộm cắp nên có vai trò thứ hai.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tỉnh tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. bị cáo L có bố là ông Nguyễn Văn T7 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chông mỹ cứu nước hạng ba , mẹ đẻ

được tặng huy chương kháng chiến chống mỹ hạng nhất, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo L xác định bị cáo L là người khuyết tật nặng đề nghị áp dụng điểm P khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xác định bị cáo L bị khuyết tật nặng nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

Đối chiếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo V có tiền sự ngày 22/12/2023 bị xử phạt hành chính về hành vi xử dụng trái phép chất ma túy. Nay phạm tội "trộm cắp tài sản" với lỗi cố ý hơn nữa bị cáo có vai trò khởi xướng, rủ rê. Do vậy cần thiết có mức án nghiêm khắc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Đối với bị cáo L có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng chưa cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cải tạo bị cáo dưỡi sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức răn đe để bị cáo trờ thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập không có, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn: Đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 98N4- 5957, là tài sản của anh Lê Văn H2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Lê Văn H1 quản lý, sử dụng là đúng quy định.

Về nguồn gốc chiếc bao tải dứa màu trắng mà L và V mang theo khi đi trộm cắp tài sản, trên đường về L đã vứt bao tải dứa xuống rìa đường nhưng không nhớ ở vị trí nào nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của V ngày 31/12/2024 đã vi phạm Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn; cứu hộ, phòng, chống bạo lực gia đình nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển phần tài liệu liên quan đến Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đức V về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho V vào tối ngày 31/12/2023, do V

không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người thanh niên này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Về tiền án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 173; Điểm i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức V. Xử phạt: Nguyễn Đức V 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 03/01/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền với bị cáo V

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; Điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Xử phạt: Nguyễn Văn L 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo L cho UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự: Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiến đối với bị cáo L.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

3. Về tiền án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1, Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cường chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo, bị hại;
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh